

Số: 10/2024/QĐST-DS

Thành phố Bến Tre, ngày 08 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 69/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1959. Địa chỉ: ấp P, xã C, huyện G, tỉnh B.

- Bị đơn:

+ Ông Phan Cao T, sinh năm 1989. Địa chỉ: đường A, Phường X, Thành phố B, tỉnh Bến Tre.

+ Bà Trần Thị Bích N, sinh năm 1991. Địa chỉ: : đường A, Phường X, Thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bà Trần Thị Bích N ủy quyền cho ông Phan Cao T tham gia tố tụng.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký ngày 07/8/2020 giữa ông Phan Cao T với ông Lê Văn C đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 13 diện tích 2461,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã Thành Triệu, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Mới, số công chứng: 1603, quyển 03 TP/CC-SCC/HĐGD và hủy thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 02 tại Phường 4, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (chưa tiến hành ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo luật định).

- Ông Phan Cao T và bà Trần Thị Bích N chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Văn C số tiền tổng cộng là 2.171.000.000 (Hai tỷ một trăm bảy mươi một triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

-Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 37.710.000 (Ba mươi bảy triệu bảy trăm mười nghìn) đồng. Hai bên thống nhất mỗi bên chịu 50%.

+ Ông Phan Cao T và bà Trần Thị Bích N có trách nhiệm liên đới nộp: án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 18.855.000 (Mười tám triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

+ Ông Lê Văn C được miễn toàn bộ án phí.

- Chi phí thu thập chứng cứ là 765.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng, ông Phan Cao T và bà Trần Thị Bích N tự nguyện chịu 382.500 (Ba trăm tám mươi hai nghìn năm trăm) đồng, ông Lê Văn C tự nguyện chịu 382.500 (Ba trăm tám mươi hai nghìn năm trăm) đồng. Do ông T và bà N đã nộp xong số tiền trên nên ông Lê Văn C có nghĩa vụ hoàn lại cho ông T và bà N số tiền 382.500 (Ba trăm tám mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TPBT;
- Tòa án tỉnh BT;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPBT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*(đã ký)*

**Phạm Thị Xuân Thi**